

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **56/2022/ HNGĐ - ST**
Ngày 10 tháng 8 năm 2022
*"V/v Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chính

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị LTH, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh NQN, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Số 47-49B T 6, đường P, phường P, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị LTH trình bày: Tôi kết hôn với anh NQN vào ngày 11/9/2003 và đăng ký kết hôn tại UBND phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn chúng

tôi tự nguyện tìm hiểu, không có ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại tổ 18, phường HVT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2016 thì vợ chồng tôi ly thân, tôi không còn ở với anh N cho đến nay.

Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn hay cãi cọ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng trong lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng.

Hiện nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh NQN .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N N Anh, sinh ngày 18/10/2008 và cháu NTQC, sinh ngày 06/9/2004, hiện các con đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho tôi chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và anh N tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không nợ ai, không cho ai nợ.

Ý kiến của bị đơn anh NQN: Tôi kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND phường HVT, thành phố Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn tôi, tôi nhất trí.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu N N Anh, sinh ngày 18/10/2008 và cháu NTQC, sinh ngày 06/9/2004, hiện các con đang ở với chị H. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tôi và chị H tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh N, tuy nhiên anh N có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, do vậy không có mặt tại các phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ được. Do đó phải mở phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị H được ly hôn anh N.

Về con chung: Giao 02 con chung cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, và nợ chung: Không có. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh N có hộ khẩu tại phường HVT, thành phố Thái Nguyên và tạm trú tại Số 47-49B TTN 6, đường P, phường TTN, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Chị H và anh N có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh NQN để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên anh N có đơn xin vắng mặt giải quyết và xét xử. Tại phiên tòa chị H đề nghị xét xử vắng mặt anh N, đại diện VKS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị LTH và anh NQN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND phường HVT, thành phố Thái Nguyên vào năm 2003, là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do trong cuộc sống chung không hợp nhau và phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và anh N đã chuyển ra sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn, anh N cũng xác định không còn tình cảm nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N N Anh, sinh ngày 18/10/2008 và cháu NTQC, sinh ngày 06/9/2004, hiện các con đang ở với chị H. Chị H nhận nuôi 02 con chung, anh N nhất trí để chị H nuôi 02 con và nguyện vọng của 02 cháu đều được ở với chị H. Do đó cần giao cho chị H nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Chi và cháu Anh cho đến khi khôn lớn trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 và Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LTH.

Cho chị LTH được ly hôn anh NQN.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu N N Anh, sinh ngày 18/10/2008 và cháu NTQC, sinh ngày 06/9/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung khôn lớn trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật và vì lợi ích của con chung,

các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và các khoản nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị LTH phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001286 ngày 21/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND phường HVT;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ DUY CHINH

